

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 31-33-35 Lê Anh Xuân, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối Quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		49,485,067,949	83,899,265,754
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	19,465,809,188	49,096,292,478
1. Tiền	111		12,398,537,581	2,088,897,421
2. Các khoản tương đương tiền	112		7,067,271,607	47,007,395,057
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	1,254,007,755	24,176,367,500
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1,254,007,755	24,176,367,500
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26,909,343,587	5,848,578,163
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	36,167,057,543	36022954793
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	661,016,715	567,692,115
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		9,967,000,000	
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		17,109,891,455	6,282,043,082
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5a	(36,995,622,126)	(37,024,111,827)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140	V.6		
1. Hàng tồn kho	141			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,855,907,419	4,778,027,613
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	159,246,764	3,107,953,030
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		29,031,176	40,174,925
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13b	1,667,629,479	1,629,899,658
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		28,016,802,921	
I- Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216			
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		28,613,004	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	28,613,004	
- Nguyên giá	222		291,287,094	592,903,556
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(262,674,090)	(592,903,556)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			



CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 31-33-35 Lê Anh Xuân, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8		
- Nguyên giá	228		43,000,000	43,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(43,000,000)	(43,000,000)
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240			
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		27,988,189,917	
1. Đầu tư vào công ty con	251		30,600,000,000	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(2,611,810,083)	
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260			
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		77,501,870,870	83,899,265,754

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1,787,988,402	1,225,554,225
I. Nợ ngắn hạn	310		1,787,988,402	1,225,554,225
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9		6,009,106
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	2,796,000	2,796,000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13a	513,321,231	135,103,416
4. Phải trả người lao động	314	V.14	287,201,988	108,972,867
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		86,363,634	
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		25,906,785	
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	872,140,408	972,414,480
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320			
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	258,356	258,356
II. Nợ dài hạn	330			
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337			

Bảng báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

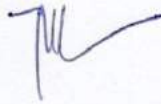
CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 31-33-35 Lê Anh Xuân, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400			
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	75,713,882,468	82,673,711,529
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		75,713,882,468	82,673,711,529
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		92,418,010,000	92,418,010,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		92,418,010,000	92,418,010,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		55,260,000	55,260,000
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(4,714,059)	
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418			
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		1,705,559,758	1,705,559,758
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(18,460,233,231)	(11,505,118,229)
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		(11,505,118,229)	(11,733,785,737)
- Lợi nhuận chưa phân phối năm này	421b		(6,955,115,002)	228,667,508
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		77,501,870,870	83,899,265,754

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Thanh Chi

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2016

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Kakazu Shogo

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 31-33-35 Lê Anh Xuân, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: Fax:

DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4 - M.Đ

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý này Năm nay	Quý này Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		10,914,545	847,309,948	3,444,082,327	6,013,928,592
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			-		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		10,914,545	847,309,948	3,444,082,327	6,013,928,592
4. Giá vốn hàng bán	11		9,004,500	788,888,771	5,015,192,591	5,783,700,657
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1,910,045	58,421,177	(1,571,110,264)	230,227,935
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		981,403,236	673,353,729	2,734,107,774	3,761,665,651
7. Chi phí tài chính	22		1,115,032,225	-	2,611,810,083	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			-		-
8. Chi phí bán hàng	25				469,051,165	136,931,919
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1,282,280,946	830,383,214	5,164,051,264	3,396,677,490
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22) - (25+26)}	30		(1,413,999,890)	(98,608,308)	(7,081,915,002)	458,284,177
11. Thu nhập khác	31				502,750,344	94,284,955
12. Chi phí khác	32				375,950,344	323,901,624
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-	-	126,800,000	(229,616,669)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(1,413,999,890)	(98,608,308)	(6,955,115,002)	228,667,508
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51					
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(1,413,999,890)	(98,608,308)	(6,955,115,002)	228,667,508
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		(154)	(11)	(50)	



Nguyễn Thị Thanh Chi

Nguyễn Thị Thanh Chi

Kakazu Shogo

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 31-33-35 Lê Anh Xuân, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
Tel: Fax:

DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPGT -Quý IV Năm 2016

	CHI TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý năm nay	Số cuối quý năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		(1,423,004,390)	1,002,606,228
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		10,728,057	-
	- Các khoản dự phòng	03		2,583,320,382	(240,000,000)
	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các	04			-
	- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(981,403,236)	(2,214,242,064)
	- Chi phí lãi vay	06			-
	- Các khoản điều chỉnh khác	07			-
3.	Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi	08		189,640,813	(1,451,635,836)
	- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09	VII	(11,090,509,235)	383,372,136
	- (Tăng)/ Giảm hàng tồn kho	10		(93,324,600)	239,509,091
	- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả	11		562,434,177	(350,627,536)
	- Giảm chi phí trả trước	12		2,948,706,266	-
	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			-
	- Tiền lãi vay đã trả	14			-
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15			-
	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			-
	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17			-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(7,483,052,579)	(1,179,382,145)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản d	21		(67,182,727)	-
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản	22			73,636,364
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(40,766,326,578)	(8,085,117,500)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn v	24		48,300,000,000	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(32,100,000,000)	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1,500,000,000	-
6.	Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng	27	VII	981,403,236	2,140,605,700
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(22,152,106,069)	(5,870,875,436)
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ	31			-
2.	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ ph	32		(4,714,059)	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33			-
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34			-
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			-
	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(20,028,700)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4,714,059)	(20,028,700)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(29,639,872,707)	(7,070,286,281)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		49,096,292,478	80,559,474,831

Bảng báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 31-33-35 Lê Anh Xuân, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
Tel: Fax:

Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại t	61			-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		19,456,419,771	73,489,188,550

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Thanh Chi



CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 31-33-35 Lê Anh Xuân, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho Quý 4 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ **Cho quý 4 năm 2016**

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần PGT Holdings hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303527483 ngày 06 tháng 09 năm 2007, thay đổi lần gần nhất (lần thứ 09) ngày 19 tháng 02 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 92.418.010.000 đồng.

Trụ sở hoạt động chính: 31 – 33 – 35 Lê Anh Xuân, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Kinh doanh vận chuyển hành khách bằng xe buýt, xe taxi. Kinh doanh vận chuyển hành khách theo hợp đồng. Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô. Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế. Kinh doanh nhà. Cho thuê văn phòng, Đại lý kinh doanh xăng dầu. Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông. Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa. Môi giới thương mại. đại lý bán vé máy bay, tàu lửa, tàu thủy. Dịch vụ đại lý tàu biển, cung ứng tàu biển. Gia công cơ khí (không hoạt động tại trụ sở). Đào tạo dạy nghề. Cho thuê kho. Xây dựng dân dụng, công nghiệp. Xây dựng công trình giao thông. Khai thác cát, sỏi, đá xây dựng, đá lát đường khoáng sản. Mua bán gas, dầu nhớt các loại. Mua bán hàng nông lâm sản. Mua bán hàng thủy sản, lương thực, thực phẩm. Mua bán nguyên liệu ngành xăng dầu – công nghiệp – nông nghiệp. Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất. Mua bán máy nổ, động cơ có máy nổ và phụ tùng linh kiện thay thế, ô tô. Mua bán ô tô. Bảo dưỡng và sửa chữa xe các loại. Thi công, cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ. Khách sạn đạt tiêu chuẩn sao (không hoạt động tại trụ sở). Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (trừ cho thuê lại lao động). Dịch vụ cầm đồ. Cho thuê xe ô tô. Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới, ...). Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh). Lập trình máy vi tính. Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính. Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Tư vấn du học.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có Văn phòng đặt tại 31 – 33 – 35 Lê Anh Xuân, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh và có các công ty con sau đây:

- Công ty TNHH MTV Vĩnh Đại Phát – Địa chỉ : L14-08B, Tầng 14, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh;
- Công ty TNHH Vina Terrace Hotels – 31- 33- 35 Lê Anh Xuân, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 31-33-35 Lê Anh Xuân, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

II. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của hàng tồn kho bị giảm giá trị so với giá trị ghi sổ, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.



CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 31-33-35 Lê Anh Xuân, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc, được điều chỉnh sửa đổi bổ sung theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	06

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc, được điều chỉnh sửa đổi bổ sung theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 03 năm.

7. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Theo đó, các khoản đầu tư chỉ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty mẹ trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Công ty mẹ chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn không quá 01 năm hoặc trong 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là "tài sản ngắn hạn";
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm hoặc trên 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là "tài sản dài hạn" (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

- Công ty con là công ty mà Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh;
- Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty mẹ và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát;
- Công ty liên kết là một công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của bên đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này;
- Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 31-33-35 Lê Anh Xuân, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ kế toán là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn là các khoản chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty mẹ với thời hạn trên 01 năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Cụ thể:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo thời gian hữu dụng của chi phí. Thời gian phân bổ được xác định theo tính chất chi phí.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

10. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

11. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

13. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 31-33-35 Lê Anh Xuân, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

15. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản tài chính được phân loại và ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính không phải sinh có giá trị thanh toán cụ thể hoặc có thể xác định được và có ngày đáo hạn cụ thể mà công ty có ý định chắc chắn và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính không phải sinh được xác định là có sẵn để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh, các khoản đầu tư đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua, chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

16. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 31-33-35 Lê Anh Xuân, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

17. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

18. Bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 31-33-35 Lê Anh Xuân, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.3.

19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	321.194.762	930.938.254
Tiền gửi ngân hàng	12.077.342.819	1.157.959.167
Tương đương tiền (*)	7.067.271.607	47.007.395.057
Cộng	19.465.809.188	49.096.292.478

(*) Tiền gửi tiết kiệm VND tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Công Quỳnh, kỳ hạn 01 tháng với mức lãi suất 5,5%/năm theo các hợp đồng sau:

<u>Số hợp đồng</u>	<u>Ngày hợp đồng</u>	<u>Số tiền</u>
010901/HDTG-SGB.CNCQ.16	01/09/2016	5.067.271.607
201202/HDTG-SGB.CNCQ.16	02/12/2016	2.000.000.000
Cộng		7.067.271.607

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Ngắn hạn	1.254.007.755	-	24.176.367.500	-
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	1.254.007.755	-	24.176.367.500	-
Cộng	1.254.007.755	-	24.176.367.500	-

(*) Chi tiết

	<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Chi nhánh Sài Gòn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng Dầu Petrolomex - PGD Lê Văn Sỹ ⁽¹⁾	1.254.007.755	-
Cộng	1.254.007.755	-

(1) Tiền gửi có kỳ hạn tại Chi nhánh Sài Gòn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng Dầu Petrolomex - PGD Lê Văn Sỹ, kỳ hạn 01 năm, lãi suất 6.6%/năm theo hợp đồng sau:

<u>Số hợp đồng</u>	<u>Ngày hợp đồng</u>	<u>Số tiền</u>
07.2013/LVS PGB	10/06/2016	1.254.007.755

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 31-33-35 Lê Anh Xuân, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Số tiền
Cộng		1.254.007.755

3. Phải thu khách hàng
Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2016	31/12/2015
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hiệp Đồng Tâm	27.855.320.000	27.855.320.000
DNTN Gara Sửa chữa Ô tô Khánh Ngọc	5.207.287.675	5.207.287.675
Công ty TNHH Hoàng Đạt	1.194.873.000	1.194.873.000
Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại Lê Hoàn	561.919.900	561.919.900
Công ty Cổ phần Tân Tân	297.747.182	297.747.182
Công ty TNHH VinaTerrace Hotel (*)	113.145.335	-
Các khách hàng khác	876.764.451	905.807.036
Cộng	36.995.622.126	36.022.954.793

Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Công Ty TNHH Vina Terrace Hotel	113.145.335	-	-	-
Cộng	113.145.335	-	-	-

4. Trả trước cho người bán
Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty TNHH Hoa Lâm Japan	535.920.000	535.920.000
- Công ty kiểm toán Đất Việt	47.500.000	-
- Các đối tượng khác	77.596.715	31.772.115
Cộng	661.016.715	567.692.115

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ông MAMADA AKIO ⁽¹⁾	7.814.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Wacontre ⁽²⁾	2.153.000.000	-	-	-
Cộng	9.967.000.000	-	-	-

⁽¹⁾ Theo hợp đồng vay số 01/2016/PGT-MAMADA ngày 30 tháng 12 năm 2016. Số tiền 8.000.000.000 VND. Thời hạn cho vay 90 ngày. Lãi suất cho vay 0,5%/tháng.

⁽²⁾ Theo hợp đồng vay số 012016/HDCV/PGT-VO ngày 04 tháng 03 năm 2016. Số tiền 2.153.000.000 VND. Thời hạn cho vay 360 ngày. Lãi suất cho vay 7,2%.

6. Phải thu khác
Phải thu khác ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	9.643.775	-	48.269.475	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 31-33-35 Lê Anh Xuân, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

<i>Các khoản ký quỹ, ký cược</i>	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
- Công Ty Cổ Phần Hiệp Thành An ⁽¹⁾	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
Phải thu khác	12.602.339.514	1.007.809.303	3.233.773.607	1.044.239.918
- Phải thu ông Urasaki Ken ⁽²⁾	11.000.000.000	-	-	-
- Phải thu Công ty TNHH Việc Ơi theo phụ lục Hợp đồng số 012016/HDCV – VO ngày 08/03/2016	499.892.493	-	-	-
- Đỗ Thị Kim Hồng	1.560.000.000	-	-	-
- Phải thu tiền bồi thường của Nguyễn Hoàng Giang	264.178.662	264.178.662	264.178.662	264.178.662
- Phải thu khác	838.268.359	743.630.641	944.594.945	780.061.256
Cộng	17.109.891.455	1.007.809.303	6.282.043.082	1.044.239.918

⁽¹⁾ Khoản đặt cọc theo Thỏa thuận đặt cọc ngày 29/12/2015 để Hiệp Thành An cung cấp dịch vụ tư vấn về việc chuyển nhượng dự án bất động sản

⁽²⁾ Khoản phải thu heo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 02/03/2016 giữa Ông Urasaki Ken và Công ty Cổ phần PGT Holdings;

Phải thu khác của các bên liên quan

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Công ty TNHH Việc Ơi	499.892.493	-	-	-
Cộng	499.892.493	-	-	-

7. Nợ xấu

303527
CÔNG
CỔ PHẦN
PGT HOLDINGS
HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 31-33-35 Lê Anh Xuân, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
BẢO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
 Cho Quý 4 năm 2016

	31/12/2016		31/12/2015			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</i>						
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	36.012.910.208	-	(36.012.910.208)	35.979.871.909	-	(35.979.871.909)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hiệp Đồng Tâm	27.855.320.000	-	(27.855.320.000)	27.855.320.000	-	(27.855.320.000)
DNTN Gara Sửa chữa Ô tô Khánh Ngọc	5.207.287.675	-	(5.207.287.675)	5.207.287.675	-	(5.207.287.675)
Công ty TNHH Hoàng Đạt	1.194.873.000	-	(1.194.873.000)	1.194.873.000	-	(1.194.873.000)
Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại Lê Hoàn	561.919.900	-	(561.919.900)	561.919.900	-	(561.919.900)
Công ty Cổ phần Tân Tân	297.747.182	-	(297.747.182)	297.747.182	-	(297.747.182)
Các nhà cung cấp khác	895.762.451	-	(895.762.451)	862.724.152	-	(862.724.152)
Phải thu ngắn hạn khác	982.711.918	0	(982.711.918)	1.044.239.918	-	(1.044.239.918)
Nguyễn Hoàng Giang	264.178.662	-	(264.178.662)	264.178.662	-	(264.178.662)
Phải thu khác	718.533.256	0	(718.533.256)	780.061.256	-	(780.061.256)
Cộng	(36.995.622.126)	0	(36.995.622.126)	37.024.111.827	-	(37.024.111.827)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính.

HỒ
 TÀI
 TÀI
 483

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 31-33-35 Lê Anh Xuân, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho Quý 4 năm 2016

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Hàng hóa	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	-

9. Chi phí trả trước*Chi phí trả trước ngắn hạn*

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Công cụ dụng cụ	2.953.030	419.948.194	(263.654.460)	159.246.764
Tiền thuê khách sạn	3.105.000.000	145.577.370	(3.250.577.370)	-
Cộng	3.107.953.030	565.525.564	(3.514.231.830)	159.246.764

10. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.628.670.058	1.629.899.658
Cộng	1.628.670.058	1.629.899.658

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá					
01/01/2016	145.592.965	-	335.389.189	111.921.402	592.903.556
Tăng trong kỳ	-	67.182.727	-	33.772.727	100.955.454
<i>Mua sắm mới trong kỳ</i>	-	67.182.727	-	-	67.182.727
<i>Trình bày lại</i>	-	-	-	33.772.727	33.772.727
Giảm trong kỳ	-	67.182.727	335.389.189	-	402.571.916
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	33.410.000	335.389.189	-	368.799.189
<i>Trình bày lại</i>	-	33.772.727	-	-	33.772.727
30/9/2016	145.592.965	-	-	145.694.129	291.287.094
Giá trị hao mòn lũy kế					
01/01/2016	145.592.965	-	335.389.189	111.921.402	592.903.556
Tăng trong kỳ	-	5.588.484	-	5.139.573	10.728.057
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	-	5.588.484	-	5.139.573	10.728.057
Giảm trong kỳ	-	5.588.484	335.389.189	-	340.977.673
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	5.588.484	335.389.189	-	340.977.673
31/12/2016	145.592.965	-	-	117.060.975	262.674.090
Giá trị còn lại					
01/01/2016	-	-	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 31-33-35 Lê Anh Xuân, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

31/12/2016	-	-	-	28.613.005
Nguyên giá TSCĐ khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:				
01/01/2016	145.592.965	-	335.389.189	592.903.556
31/12/2016	145.592.965	-	-	592.903.556

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	43.000.000	43.000.000	-
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	43.000.000	43.000.000	-

13. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty TNHH MTV Vinh Đại Phát (*)	19.000.000.000	-	19.000.000.000
Công ty TNHH Vina Terrace Hotels (**)	11.600.000.000	(2.611.810.084)	8.978.800.500
Cộng	30.600.000.000	(2.611.810.084)	27.978.800.500

(*) Khoản đầu tư vào *Công ty TNHH Vinh Đại Phát* theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0313648575 ngày 03 tháng 02 năm 2016, thay đổi lần thứ 2 ngày 24 tháng 06 năm 2016.

Địa chỉ: L14-08B, Tầng 14, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ: 19.000.000.000 đồng

Ngành nghề kinh doanh:

- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm. Chi tiết: Hoạt động của đại lý bảo hiểm (trừ tư vấn pháp luật);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế. Chi tiết: Dịch vụ kế toán;
- Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn kế toán, pháp luật, tài chính);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn xây dựng (trừ thiết kế công trình, giám sát thi công và khảo sát xây dựng);
- Quảng cáo;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Tư vấn về Nông học; Tư vấn về môi trường; Tư vấn về công nghệ khác) ;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm. Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (trừ cho thuê lại lao động);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Chi tiết: Tư vấn giáo dục, dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục.

(**) Khoản đầu tư vào *Công ty TNHH Vina Terrace Hotels* theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0313678280 ngày 05 tháng 03 năm 2016 thay đổi lần thứ nhất ngày 21 tháng 03 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 31-33-35 Lê Anh Xuân, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Địa chỉ: 31- 33- 35 Lê Anh Xuân, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ: 11.600.000.000 đồng

Hoạt động chính của Công ty là:

- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Ngành chính);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Công thông tin;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Quảng cáo;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các nhà cung cấp khác			6.009.106	6.009.106
Cộng			6.009.106	6.009.106

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	01/01/2016	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2016
Thuế GTGT cung cấp dịch vụ nội địa	-	31.138.080	69.124.418	(37.729.821)
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	(1.629.899.658)	-	-	(1.629.899.658)
Thuế thu nhập cá nhân	135.103.416	845.179.072	466.961.257	513.321.231
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	(1.494.796.242)	879.317.152	539.085.675	(1.154.308.248)

Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán riêng:

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (*)	1.629.899.658	1.629.899.658
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	135.103.416	513.321.231

16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 31-33-35 Lê Anh Xuân, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	<u>31/12/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Lãi cho vay nhận trước	25.906.785	-
Cộng	<u>25.906.785</u>	<u>-</u>

17. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>31/12/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Cổ tức phải trả	635.307.570	635.800.570
Thù lao HĐQT	221.786.505	270.816.000
BHYT		348.600
BHTN		1.376.400
BHXH	(-234.633)	12.264.950
Các khoản phải trả khác	17.372.800	51.807.960
Cộng	<u>867.812.560</u>	<u>972.414.480</u>

18. Vốn chủ sở hữu Tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong kỳ và năm trước

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 31-33-35 Lê Anh Xuân, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho Quý 4 năm 2016

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (tổ lũy kế)	Cộng
01/01/2015	92.418.010.000	55.260.000	1.705.559.758	(11.733.785.737)	82.445.044.021
Lỗ trong năm trước	-	-	-	228.667.508	228.667.508
31/12/2015	92.418.010.000	55.260.000	1.705.559.758	(11.506.)	82.673.711.529
01/01/2016	92.418.010.000	55.260.000	1.705.559.758	(11.505.118.229)	82.673.711.529
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	(6.955.115.002)	(6.955.115.002)
31/12/2016	92.418.010.000	55.260.000	1.705.559.758	(18.460.233.231)	75.723.310.586

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303527483 ngày 19 tháng 02 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty là 92.418.010.000 VND đã được các cổ đông góp đủ đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2016, chi tiết như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn góp tại 30/9/2016		Vốn góp tại 31/12/2015	
	VND	%	VND		VND	
Ông Kakazu Shogo	14.514.600.000	15,71%	14.514.600.000		14.514.600.000	
All Corporation Inc.	11.688.780.000	12,65%	11.688.780.000		11.688.780.000	
Công ty Cổ phần Công nghiệp Toda	9.903.720.000	10,72%	9.903.720.000		9.903.720.000	
Daitomi Inc	6.021.030.000	6,51%	6.021.030.000		6.021.030.000	
Ông Lê Hải Đoàn	4.990.000.000	5,40%	4.990.000.000		4.990.000.000	
Các cổ đông khác	45.299.880.000	49,02%	45.299.880.000		45.299.880.000	
Cộng	92.418.010.000	100,00%	92.418.010.000		92.418.010.000	

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

3035
CỔ P
GT HO
PHO

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 31-33-35 Lê Anh Xuân, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	31/12/2016	31/12/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.241.801	9.241.801
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	9.241.801	9.241.801
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.241.801	9.241.801
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.096	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.096	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.240.705	9.241.801
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.240.705	9.241.801
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

19. Phải trả người bán***Phải trả người bán ngắn hạn***

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Các nhà cung cấp khác			6.009.106	6.009.106
Cộng			6.009.106	6.009.106

20. Người mua trả tiền trước***Người mua trả tiền trước ngắn hạn***

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khách hàng khác	2.796.000	2.796.000
Cộng	2.796.000	2.796.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 31-33-35 Lê Anh Xuân, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**2.1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Thuế giá trị gia tăng	(37.729.821)	(37.729.821)	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	513.321.231	513.321.231	135.103.416	135.103.416
Cộng	475.591.410	475.591.410	135.103.416	135.103.416

Tình hình biến động của các khoản thuế phải nộp như sau:

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	-	31.138.080	(69.124.418)	(37.729.821)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.629.899,658)			(1.629.899,658)
Thuế thu nhập cá nhân	135.103.416	845.179.072	(466.961.257)	513.321.231
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	(1.494.796.242)	879.317.152	(539.085.675)	(1.154.308.248)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.



CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 31-33-35 Lê Anh Xuân, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho Quý 4 năm 2016

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(6.955.115.002)
Thu nhập tính thuế	(6.955.115.002)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

22. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi cho vay Công ty TNHH Wacontre	25.906.785	-
Cộng	25.906.785	-

23. Phải trả khác**Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Phải trả cổ tức	635.307.570	635.307.570	635.800.570	635.800.570
Phải trả thù lao Hội đồng Quản trị	221.786.505	221.786.505	270.816.000	270.816.000
Phải trả ngắn hạn khác	15.1161.333	15.1161.333	65.797.910	65.797.910
Cộng	872.255.408	872.255.408	972.414.480	972.414.480

Phải trả ngắn hạn khác với các bên liên quan

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Trả thù lao Hội đồng Quản trị	221.786.505	221.786.505	270.816.000	270.816.000
Cộng	221.786.505	221.786.505	270.816.000	270.816.000

24. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm nay	92.418.010.000	55.260.000	1.705.559.758	(11.505.118.229)	82.673.711.529
Lợi nhuận trong kỳ nay	-	-	-	(6.955.115.002)	(6.955.115.002)

[Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính]

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 31-33-35 Lê Anh Xuân, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Số dư cuối kỳ này	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	92.418.010.000	55.260.000	1.705.559.758	(18.460.233.231)	75.723.310.586

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Kỳ này
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
- Vốn góp đầu năm	92.418.010.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-
- Vốn góp cuối năm	92.418.010.000

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.241.801	9.241.801
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	9.241.801	9.241.801
- Cổ phiếu phổ thông	9.241.801	9.241.801
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.241.801	9.241.801
- Cổ phiếu phổ thông	9.241.801	9.241.801

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ khách sạn	10.914.545	5.024.371
Doanh thu thuần	10.914.545	5.024.391

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn cung cấp dịch vụ khách sạn (*)	9.004.500	5.024.161
Cộng	9.004.500	5.024.161

(*) Chi tiết

	Kỳ này
Chi phí nhân công	
Chi phí vật liệu, dụng cụ	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	
Chi phí mua ngoài	
Chi phí bằng tiền khác	
Cộng	-

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.024.136	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 31-33-35 Lê Anh Xuân, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	838.806.575	136.642.955
Lãi cho vay	79.072.525	39.072.526
Lãi hoạt động tài chính	60.000.000	
Cộng	987.903.236	175.715.481
4. Chi phí tài chính		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	1.115.032.225	-
Cộng	-	-
5. Chi phí bán hàng		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí cho nhân viên		
Chi phí dịch vụ mua ngoài		900.000
Chi phí bán hàng bằng tiền khác		
Cộng	-	900.000
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	1.109.728.102	1.054.099.339
Hoàn nhập dự phòng		21.528.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	130.881.835	208.710.336
Chi phí bằng tiền khác	41.671.009	6.987.918
Cộng	1.282.280.946	1.291.325.593
7. Thu nhập khác		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Thu từ thanh lý TSCĐ		
Thu từ thanh lý công cụ, dụng cụ		
Thu nhập khác		
Cộng		
8. Chi phí khác		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí khác		0
Cộng	0	0
9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
		<u>Kỳ này</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu		
Chi phí nhân công		
Chi phí khấu hao tài sản cố định		
Chi phí dịch vụ mua ngoài		
Chi phí khác		
Cộng		



CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 31-33-35 Lê Anh Xuân, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.413.999.890)	(1.076.810.680)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.413.999.890)	(1.076.810.680)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.241.801	9.241.801
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(153)	(116)

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

2. Giao dịch với các bên liên quan**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan trong kỳ như sau:

	Đơn vị tính: VND
	<u>Kỳ này</u>
Thu nhập của Giám đốc	369.640.000
Thù lao Hội đồng quản trị	78.000.000
	447.640.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Đơn vị tính: VND	Đơn vị tính: VND
Phải trả thù lao Hội đồng Quản trị	221.729.600	270.816.000
Cộng nợ phải thu	221.729.600	270.816.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV Vĩnh Đại Phát	Công ty con
Công ty TNHH Vina Terrace Hotels	Công ty con

Trong kỳ, các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 31-33-35 Lê Anh Xuân, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	<u>Kỳ này</u>
Góp vốn đầu tư	
Công ty TNHH MTV Vĩnh Đại Phát	19.000.000.000
Công ty TNHH Vina Terrace Hotels	11.600.000.000
Mua dịch vụ	
Công ty TNHH Vina Terrace Hotels	9.004.500
Thanh lý tài sản	
Công ty TNHH Vina Terrace Hotels	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khác		
Công ty TNHH Việc Ở	499.892.493	-
Phải thu tiền hàng		
Công ty TNHH Vina Terrace Hotels	113.145.335.	-
Cộng nợ phải thu	<u>613.037.828</u>	<u>-</u>
Phải trả tiền hàng		
Công ty TNHH Vina Terrace Hotels	113.145.335	-
Cộng nợ phải trả	<u>113.145.335</u>	<u>-</u>

3. Thông tin khả năng hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

4. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty có phát sinh giao dịch mua dịch vụ bằng USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với tỷ giá hối đoái vì rủi ro do thay đổi tỷ giá hối đoái tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 31-33-35 Lê Anh Xuân, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

5. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nội bộ của Công ty.

Kết quả kinh doanh bao gồm các khoản có liên quan trực tiếp đến bộ phận và các khoản có thể phân bổ được trên một cơ sở hợp lý. Các khoản không phân bổ được bao gồm các tài khoản tạo thu nhập và doanh thu, các khoản vay chịu lãi, và chi phí chung của Công ty.

Trong kỳ, Công ty chỉ có một lĩnh vực kinh doanh là bán hàng hóa nên không thuyết minh chi tiết thông tin về bộ phận.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2016

Nguyễn Thị Thanh Chi
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Chi
Kế toán trưởng



Kakazu Shogo
Giám đốc